

Mã chương: 622

Mẫu số 20c

Đơn vị: Trường tiểu học Lam Sơn

Ký hiệu: 02a-SDKP/ĐVDT

Mã ĐVQHNS: 1038319

Mã cấp NS: 2

BẢNG ĐỐI CHIẾU TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẢNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC
Quý 1 /Năm 2024

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
Lương theo ngạch, bậc	13	072	6001	00000	0	0	1.040.239.030	1.040.239.030	1.040.239.030	1.040.239.030
Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	13	072	6051	00000	0	0	84.240.000	84.240.000	84.240.000	84.240.000
Phụ cấp chức vụ	13	072	6101	00000	0	0	15.421.500	15.421.500	15.421.500	15.421.500
Phụ cấp ưu đãi nghề	13	072	6112	00000	0	0	348.553.391	348.553.391	348.553.391	348.553.391
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	13	072	6113	00000	0	0	1.788.000	1.788.000	1.788.000	1.788.000
Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề	13	072	6115	00000	0	0	175.416.066	175.416.066	175.416.066	175.416.066
Bảo hiểm xã hội	13	072	6301	00000	0	0	228.067.132	228.067.132	228.067.132	228.067.132
Bảo hiểm y tế	13	072	6302	00000	0	0	39.097.224	39.097.224	39.097.224	39.097.224
Kinh phí công đoàn	13	072	6303	00000	0	0	26.064.804	26.064.804	26.064.804	26.064.804
Bảo hiểm thất nghiệp	13	072	6304	00000	0	0	13.032.414	13.032.414	13.032.414	13.032.414
Chi khác	13	072	6449	00000	0	0	144.000.000	144.000.000	144.000.000	144.000.000
Vật tư văn phòng khác	13	072	6599	00000	0	0	396.000	396.000	396.000	396.000
Tuyên truyền; quảng cáo	13	072	6606	00000	0	0	8.281.440	8.281.440	8.281.440	8.281.440
Khoản công tác phí	13	072	6704	00000	0	0	7.500.000	7.500.000	7.500.000	7.500.000
Lương theo ngạch, bậc	14	072	6001	00000	0	0	216.425.570	216.425.570	216.425.570	216.425.570
Phụ cấp chức vụ	14	072	6101	00000	0	0	3.208.500	3.208.500	3.208.500	3.208.500

Phụ cấp ưu đãi nghề	14	072	6112	00000	0	0	72.517.821	72.517.821	72.517.821	72.517.821
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	14	072	6113	00000	0	0	372.000	372.000	372.000	372.000
Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề	14	072	6115	00000	0	0	36.495.956	36.495.956	36.495.956	36.495.956
Bảo hiểm xã hội	14	072	6301	00000	0	0	44.822.767	44.822.767	44.822.767	44.822.767
Bảo hiểm y tế	14	072	6302	00000	0	0	7.683.911	7.683.911	7.683.911	7.683.911
Kinh phí công đoàn	14	072	6303	00000	0	0	5.122.610	5.122.610	5.122.610	5.122.610
Bảo hiểm thất nghiệp	14	072	6304	00000	0	0	2.561.302	2.561.302	2.561.302	2.561.302
Chi khác	14	072	6449	00000	0	0	17.798.400	17.798.400	17.798.400	17.798.400
Cộng:					0	0	2.539.105.838	2.539.105.838	2.539.105.838	2.539.105.838
Phần KBNN ghi:										

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 8 tháng 4 năm 2024

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Đỗ Thị Huyền

Người ký: Trần Thị Thanh Hoa
Ngày ký: 08/04/2024 16:54:04
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: KBNN Gò Vấp - TP Hồ Chí Minh

Trần Thị Thanh Hoa

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 8 tháng 4 năm 2024

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: Nguyễn Thị Thắm
Ngày ký: 08/04/2024 14:48:31
Đơn vị: Trường tiểu học Lam Sơn

Nguyễn Thị Thắm

Người ký: NGUYỄN THỊ THANH HIẾU
Ngày ký: 08/04/2024 16:23:22
Đơn vị: Trường tiểu học Lam Sơn

NGUYỄN THỊ THANH HIẾU